TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 666 /QĐ - TLĐ	*Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng của tổ chức Công đoàn

BAN THƯỜNG VỤ TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Công đoàn số 50/2024/QH15 và Điều lệ Công đoàn Việt Nam khóa XIV;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16 ngày 23/4/2026;

Căn cứ Nghị định số 368/2026/NĐ-CP ngày 25/9/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng; Quyết định số 45/2026/QĐ-TTg ngày 16/9/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BNV ngày 01/10/2026 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Nghị định số 368/2026/NĐ-CP ngày 25/9/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Ban Công tác Công đoàn, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế Thi đua, Khen thưởng của tổ chức Công đoàn".

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 999/QĐ-TLĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2027.

Điều 3. Các cấp công đoàn, các ban, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc hệ thống Công đoàn và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Anh Tuấn

Nơi nhận:
- UBTW MTTQVN (để b/c);
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW (để b/c);
- Thành viên Hội đồng TĐKT TLĐ;
- Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn;
- Các LĐLĐ tỉnh, TP;
- Các CĐ ngành TW và tương đương; CĐ Tập đoàn kinh tế, Tcty trực thuộc TLĐ;
- Các Ban, đơn vị trực thuộc TLĐ;
- Lưu VT, CTCĐ.

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
THI ĐUA, KHEN THƯỞNG CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 666/QĐ - TLĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2026 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về đối tượng, nguyên tắc tổ chức phong trào thi đua, tiêu chuẩn, thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của tổ chức Công đoàn và khen thưởng của Nhà nước áp dụng trong hệ thống công đoàn; hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và các cụm, khối thi đua.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng với đoàn viên công đoàn, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, tổ chức Công đoàn các cấp; cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước, tổ chức quốc tế và người có công xây dựng tổ chức Công đoàn Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Việc thi đua được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

a) Tự nguyện, tự giác, công khai, minh bạch;

b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Việc khen thưởng được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

a) Chính xác, công khai, minh bạch, công bằng, kịp thời. Bảo đảm thống nhất giữa hình thức, đối tượng khen thưởng và công trạng, thành tích đạt được.

b) Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được. Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được (trừ khen thưởng công trạng); thành tích đến đâu khen thưởng đến đó;

c) Chú trọng khen thưởng cho công đoàn cơ sở, nhất là công đoàn cơ sở khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước; tập thể tích cực ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất và cá nhân có nhiều đổi mới, sáng kiến, sáng tạo trong lao động, sản xuất, công tác.

đ) Kết quả khen thưởng thành tích đột xuất, khen thưởng theo chuyên đề không dùng làm căn cứ để đề nghị cấp trên khen thưởng công trạng. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

e) Thời gian nghỉ thai sản đối với cá nhân theo quy định được tính là thời gian công tác để xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng. Thời gian để xét khen thưởng quá trình cống hiến cho cá nhân là nữ lãnh đạo, quản lý có đủ điều kiện, tiêu chuẩn được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung.

Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ cao để khen thưởng theo quy định.

g) Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho cá nhân, tập thể trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo, có vấn đề tham nhũng, tiêu cực được báo chí nêu đang được xác minh làm rõ.

Trường hợp cá nhân, tập thể bị kỷ luật, sau khi chấp hành xong thời gian kỷ luật, cá nhân, tập thể lập được thành tích thì thành tích khen thưởng được tính từ thời điểm chấp hành xong thời gian thi hành kỷ luật. Hết thời gian cơ quan có thẩm quyền có kết luận thanh tra, kiểm tra hoặc văn bản đã xác minh làm rõ cá nhân, tập thể không có sai phạm hoặc không có dấu hiệu vi phạm thì cấp có thẩm quyền thực hiện việc khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng theo quy định.

h) Công đoàn ngành trung ương; Công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn chỉ khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc đối tượng quản lý trực tiếp của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố khi tiến hành phát động thi đua theo chuyên đề; không khen thưởng công trạng cho các tập thể, cá nhân thuộc đối tượng quản lý trực tiếp của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố và ngược lại.

i) Thời gian đề nghị khen thưởng lần tiếp theo được tính từ thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính từ thời điểm ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

Chương II
TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 4. Hình thức, phạm vi tổ chức thi đua

1. Phong trào thi đua thường xuyên

a) Phong trào thi đua thường xuyên là phong trào thi đua "Lao động giỏi, năng suất cao, thu nhập tốt" được tổ chức hằng năm trong tổ chức Công đoàn nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp Công đoàn trong tổ chức, vận động đoàn viên, người lao động tích cực thi đua lao động, sản xuất, công tác; phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đổi mới, sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị, phát triển sản xuất, kinh doanh, cải thiện việc làm, thu nhập và đời sống của người lao động.

b) Kết quả tổ chức triển khai và thực hiện phong trào thi đua "Lao động giỏi, năng suất cao, thu nhập tốt" là căn cứ đánh giá, xét khen thưởng đối với tập thể Công đoàn các cấp và cá nhân cán bộ công đoàn, đoàn viên, người lao động có thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào hằng năm theo quy định.

2. Phong trào thi đua theo chuyên đề

a) Phong trào thi đua theo chuyên đề là phong trào thi đua được tổ chức trong từng giai đoạn nhằm tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá trong hoạt động công đoàn và phong trào công nhân lao động; tạo động lực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức Công đoàn. Phong trào phải xác định rõ mục tiêu, nội dung, đối tượng, phạm vi, thời gian thực hiện và tiêu chí đánh giá kết quả.

b) Phong trào thi đua theo chuyên đề trong tổ chức Công đoàn gồm: Các phong trào thi đua do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phát động và các phong trào thi đua khác do cấp có thẩm quyền quyết định tổ chức.

3. Phạm vi tổ chức thi đua

Phong trào thi đua được tổ chức ở các phạm vi sau:

a) Các cấp công đoàn toàn quốc;

b) Công đoàn cấp tỉnh, ngành và tương đương;

c) Công đoàn xã, phường, đặc khu và tương đương;

đ) Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở;

e) Cụm, khối thi đua các cấp.

Điều 5. Trách nhiệm, nội dung, tổ chức phong trào thi đua

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm triển khai tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi quản lý theo một số nội dung sau:

1. Xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung và tiêu chí, thời gian, kế hoạch, biện pháp tổ chức phong trào thi đua: Phong trào thi đua phải gắn với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn và mục tiêu, định hướng, chiến lược phát triển của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp; có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ hiểu; nội dung, chỉ tiêu và phương pháp tổ chức thi đua phải cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng tham gia của tập thể, cá nhân.

2. Tổ chức phát động, triển khai phong trào thi đua Người đứng đầu các cấp công đoàn tổ chức phát động, chỉ đạo tổ chức hưởng ứng, triển khai các phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các cá nhân, tập thể có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Đơn vị tham mưu, giúp việc về công tác thi đua, khen thưởng công đoàn các cấp căn cứ nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể trong Nghị quyết đại hội công đoàn nhiệm kỳ, nhiệm vụ hằng năm và nhiệm vụ chính trị được giao để tham mưu, đề xuất về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua.

3. Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn và kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện phong trào thi đua; đối với phong trào thi đua có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên, chú trọng chỉ đạo điểm, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện để kịp thời điều chỉnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả của phong trào.

4. Tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, vị trí, vai trò và tầm quan trọng của phong trào thi đua yêu nước; kịp thời phát hiện, bồi dưỡng, biểu dương, tôn vinh và nêu gương các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt; tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến; tạo điều kiện để tập thể, cá nhân được khen thưởng trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, qua đó nhân rộng các sáng kiến, mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả.

5. Đối với thi đua thường xuyên: Sơ kết, tổng kết, bình xét thành tích thi đua và khen thưởng hằng năm vào dịp cuối năm. Đối với thi đua chuyên đề: tiến hành sơ kết, tổng kết phong trào thi đua và xét khen thưởng ngay sau khi kết thúc các giai đoạn thi đua.

Việc sơ kết, tổng kết phải đánh giá đúng kết quả, hiệu quả và tác dụng của phong trào; chỉ rõ tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; rút ra bài học kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện. Trên cơ sở kết quả sơ kết, tổng kết, kịp thời biểu dương, khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng.

Điều 6. Danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua của Công đoàn gồm có:

a) Danh hiệu thi đua đối với cá nhân: "Đoàn viên Công đoàn xuất sắc";

b) Danh hiệu thi đua đối với tập thể:

- "Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn";

- "Cờ thi đua của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; công đoàn ngành trung ương; công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn" (sau đây gọi là Cờ thi đua của liên đoàn lao động tỉnh, ngành trung ương và tương đương)

- "Công đoàn cơ sở xuất sắc"; "Nghiệp đoàn cơ sở xuất sắc " (gọi chung là "Công đoàn cơ sở xuất sắc");

- "Công đoàn cơ sở thành viên xuất sắc", "Công đoàn bộ phận xuất sắc", "Nghiệp đoàn bộ phận xuất sắc", "Tổ công đoàn xuất sắc" (gọi chung là "Tổ công đoàn xuất sắc").

2. Danh hiệu thi đua của Nhà nước áp dụng bình xét khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng trong tổ chức Công đoàn.

a) Danh hiệu thi đua đối với cá nhân:

- "Chiến sĩ thi đua toàn quốc";

- "Chiến sĩ thi đua Tổng Liên đoàn";

- "Chiến sĩ thi đua cơ sở";

- "Lao động tiên tiến";

b) Danh hiệu thi đua đối với tập thể:

- "Cờ thi đua của Chính phủ";

- "Tập thể lao động xuất sắc";

- "Tập thể lao động tiên tiến".

Điều 7. Hình thức khen thưởng

1. Hình thức khen thưởng của tổ chức Công đoàn gồm có:

a) Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn";

b) Bằng khen của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (sau đây gọi là Bằng khen của Tổng Liên đoàn);

c) Bằng khen của Ban Chấp hành liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương; công đoàn tập đoàn, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn (sau đây gọi là Bằng khen của liên đoàn lao động tỉnh, ngành trung ương và tương đương);

đ) Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;

e) Giấy khen của Công đoàn, gồm:

- Giấy khen của công đoàn xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là công đoàn cấp xã); công đoàn khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao (sau đây gọi chung là công đoàn khu công nghiệp); công đoàn đơn vị sự nghiệp trung ương; công đoàn đại học quốc gia, đại học vùng và đại học khác; nghiệp đoàn Nghề cá Việt Nam; công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty, công ty, tổ chức tín dụng, tài chính trực thuộc công đoàn cấp trên cơ sở;

- Giấy khen của công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở;

- Giấy khen của thủ trưởng cơ quan, đơn vị sự nghiệp, giám đốc doanh nghiệp thuộc tổ chức Công đoàn.

g) "Giải thưởng Nguyễn Văn Linh";

h) "Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh";

i) "Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động";

k) "Giải thưởng Nữ đoàn viên Công đoàn năng động, sáng tạo, trách nhiệm";

l) Giải thưởng của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn.

2. Hình thức khen thưởng của Nhà nước áp dụng bình xét khen thưởng và đề nghị khen thưởng trong tổ chức công đoàn.

a) Huân chương;

b) Huy chương;

c) Danh hiệu vinh dự nhà nước;

d) "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng nhà nước";

e) Kỷ niệm chương;

g) Bằng khen;

h) Giấy khen.

Chương III
DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

Mục 1
ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 8. Danh hiệu "Đoàn viên Công đoàn xuất sắc"

Danh hiệu "Đoàn viên Công đoàn xuất sắc" xét tặng cho đoàn viên công đoàn đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có phẩm chất đạo đức tốt; gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp;

2. Thực hiện tốt nhiệm vụ của đoàn viên theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam;

3. Hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn được giao. Tích cực tham gia hoạt động, phong trào do công đoàn tổ chức.

Điều 9. Danh hiệu "Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn"

1. Danh hiệu "Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn" xét tặng cho công đoàn cấp xã, công đoàn khu công nghiệp và tương đương, công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hoàn thành các chỉ tiêu thi đua, nhiệm vụ được giao trong năm; được đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; là đơn vị tiêu biểu xuất sắc trong hoạt động công đoàn của tỉnh, thành phố, ngành, tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn;

b) Được suy tôn dẫn đầu cụm, khối thi đua do liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn quyết định thành lập theo ủy quyền của Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;

c) Nội bộ đoàn kết; tích cực ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hoạt động công đoàn; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

2. Việc đề nghị, xét tặng danh hiệu "Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn" đối với các tập thể quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Tập thể được lựa chọn đề nghị tặng "Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn" thì không đồng thời được tặng Cờ thi đua của cấp đề nghị;

b) Trường hợp tập thể được đề nghị nhưng không được tặng "Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn" do chưa bảo đảm tiêu chuẩn, hồ sơ hoặc thủ tục thì liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty xem xét, quyết định khen thưởng theo thẩm quyền.

3. Danh hiệu "Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn" xét tặng cho liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty và các ban, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Tổng Liên đoàn đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được Tổng Liên đoàn giao trong năm; trong đó có chỉ tiêu, nhiệm vụ hoàn thành xuất sắc, vượt mức; có mô hình mới, cách làm sáng tạo được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tổng Liên đoàn ghi nhận, đánh giá cao và được suy tôn dẫn đầu cụm, khối thi đua của Tổng Liên đoàn;

b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; tích cực ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

4. Việc đề nghị, xét tặng danh hiệu "Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn" đối với các tập thể quy định tại khoản 3 Điều này được thực hiện như sau:

a) Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp trực thuộc Tổng Liên đoàn được lựa chọn đề nghị tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" thì không đồng thời được tặng "Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn";

b) Trường hợp tập thể được đề nghị nhưng không được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" do chưa bảo đảm tiêu chuẩn, hồ sơ hoặc thủ tục thì Tổng Liên đoàn xem xét, quyết định tặng "Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn" theo quy định;

c) Số lượng "Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn" xét tặng cho liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty và các ban, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Tổng Liên thực hiện theo Hướng dẫn hoạt động cụm, khối thi đua của Tổng Liên đoàn.

Điều 10. Danh hiệu "Cờ thi đua chuyên đề của Tổng Liên đoàn"

Cờ thi đua chuyên đề của Tổng Liên đoàn tặng cho các tập thể dẫn đầu phong trào theo chuyên đề của Tổng Liên đoàn khi sơ, tổng kết. Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn ban hành hướng dẫn, quy định cụ thể về đối tượng, tiêu chuẩn, số lượng, hồ sơ khen thưởng danh hiệu Cờ thi đua cho từng chuyên đề.

Điều 11. Danh hiệu "Cờ thi đua của liên đoàn lao động tỉnh, ngành trung ương và tương đương"

1. Danh hiệu "Cờ thi đua của Liên đoàn lao động tỉnh, ngành trung ương và tương đương" xét tặng hằng năm cho công đoàn cấp xã, công đoàn khu công nghiệp và tương đương, công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp trực thuộc được đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có mô hình, cách làm sáng tạo, là đơn vị tiêu biểu, được suy tôn dẫn đầu cụm, khối thi đua do liên đoàn lao động tỉnh, ngành trung ương và tương đương thành lập.

Ban Thường vụ liên đoàn lao động tỉnh, ngành trung ương và tương đương quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua theo thẩm quyền.

2. "Cờ thi đua chuyên đề của Liên đoàn lao động tỉnh, ngành trung ương và tương đương" xét tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề khi sơ kết hoặc tổng kết phong trào.

Điều 12. Danh hiệu "Công đoàn cơ sở xuất sắc"

Danh hiệu "Công đoàn cơ sở xuất sắc" xét tặng cho công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Được đánh giá, xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; là tập thể tiêu biểu, có nhiều đổi mới, sáng tạo trong hoạt động công đoàn; tích cực hưởng ứng, tham gia các phong trào thi đua yêu nước do công đoàn cấp trên phát động.

2. Có thỏa ước lao động tập thể với nhiều điều khoản có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật; có tập hợp ý kiến đoàn viên kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (hoặc thông qua công đoàn cấp trên) tạo điều kiện, cơ chế phù hợp, thuận lợi cho đoàn viên, người lao động ổn định việc làm, nâng cao thu nhập; Đối với công đoàn cơ sở cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở;

3. Không để xảy ra tai nạn lao động chết người, ngừng việc tập thể hoặc đình công bất hợp pháp;

4. Không có cán bộ công đoàn chủ chốt vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên (chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách).

Điều 13. Danh hiệu "Tổ Công đoàn xuất sắc"

Danh hiệu "Tổ Công đoàn xuất sắc" xét tặng cho công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận, nghiệp đoàn bộ phận, tổ công đoàn đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao;

2. Tích cực tham gia các phong trào thi đua do Công đoàn cơ sở phát động;

3. Kịp thời phản ánh tâm tư, nguyện vọng và những đề xuất, kiến nghị của đoàn viên, người lao động với chuyên môn đồng cấp và Công đoàn cấp trên;

4. Duy trì tốt hoạt động công đoàn, nội bộ đoàn kết; không có đoàn viên bị xử lý kỷ luật do vi phạm chính sách, pháp luật và các quy định của công đoàn, cơ quan, đơn vị.

Mục 2
ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 14. Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn"

Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn ban hành hướng dẫn quy định về xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn".

Điều 15. Bằng khen của Tổng Liên đoàn theo thành tích công trạng

1. Bằng khen của Tổng Liên đoàn được xét tặng cho cá nhân là cán bộ, đoàn viên công đoàn gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của đoàn viên theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có 02 năm liên tục trở lên đến thời điểm đề nghị khen thưởng được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

b) Có 02 năm liên tục trở lên đến thời điểm đề nghị khen thưởng được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở";

c) Trong 02 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị khen thưởng, có 01 năm được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" và 01 năm được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

d) Cá nhân trong các doanh nghiệp đạt một trong các điều kiện sau:

- Có 02 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị khen thưởng được công nhận một trong các danh hiệu: "Công nhân giỏi"; "Công nhân ưu tú"; "Lao động xuất sắc" hoặc danh hiệu ghi nhận thành tích lao động giỏi, lao động sáng tạo của doanh nghiệp;

- Có 02 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị khen thưởng được công nhận danh hiệu "Đoàn viên công đoàn xuất sắc" và trong thời gian đó có 02 sáng kiến được cơ sở công nhận; đối với công nhân, lao động trực tiếp sản xuất có 01 sáng kiến được cơ sở công nhận;

e) Cá nhân là chủ tịch công đoàn cơ sở kiêm nhiệm được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, có thành tích tiêu biểu trong đổi mới nội dung, phương thức hoạt động công đoàn; thực hiện tốt nhiệm vụ đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động; công đoàn cơ sở nơi cá nhân công tác có 02 năm liên tục được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đối với công đoàn cơ sở có từ 500 đoàn viên trở lên được đề nghị thêm 01 cá nhân tiêu biểu, xuất sắc nhất trong số ủy viên Ban Chấp hành công đoàn của đơn vị.

Các danh hiệu, kết quả đánh giá, xếp loại quy định tại khoản này bao gồm năm đề nghị khen thưởng.

2. Bằng khen của Tổng Liên đoàn được xét tặng cho công đoàn cấp xã, công đoàn khu công nghiệp và tương đương, công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở; các ban, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công đoàn Việt Nam; nội bộ đoàn kết;

b) Có 02 năm liên tục đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc";

c) Trong thời gian quy định tại điểm b khoản này, thực hiện tốt chức năng đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động; tổ chức hiệu quả các phong trào thi đua; thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; tích cực ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

3. Bằng khen của Tổng Liên đoàn được xét tặng cho liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Tổng Liên đoàn đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công đoàn Việt Nam; nội bộ đoàn kết;

b) Trong năm đề nghị khen thưởng, hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được Tổng Liên đoàn giao, có mô hình, giải pháp hoặc kết quả nổi bật trong hoạt động công đoàn;

c) Được bình chọn, suy tôn trong cụm, khối thi đua của Tổng Liên đoàn.

Điều 16. Bằng khen của Tổng Liên đoàn đối với thành tích thi đua theo chuyên đề, đột xuất và cống hiến

1. Bằng khen của Tổng Liên đoàn được xét tặng cho tập thể, cá nhân trong và ngoài hệ thống Công đoàn có thành tích thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua theo chuyên đề;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất;

c) Có nhiều đóng góp thiết thực, hiệu quả cho sự nghiệp xây dựng và phát triển tổ chức Công đoàn Việt Nam.

2. Bằng khen của Tổng Liên đoàn được xét tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Tổng Liên đoàn phát động, chỉ đạo hoặc được giao tổ chức thực hiện, đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của phong trào thi đua;

b) Có sản phẩm, mô hình, công trình, sáng kiến, giải pháp hoặc kết quả cụ thể, thiết thực, mang lại hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trong cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, ngành, địa phương hoặc hệ thống Công đoàn;

3. Bằng khen của Tổng Liên đoàn được xét tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong trực tiếp tham mưu, tổ chức hoặc thực hiện chuyên đề phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn hoặc tổ chức Công đoàn trong thời gian cụ thể; hoàn thành vượt mức yêu cầu về tiến độ, chất lượng, hiệu quả, có sản phẩm hoặc kết quả nổi bật, thiết thực.

Các nhiệm vụ thường xuyên hằng năm thuộc chức năng, trách nhiệm được giao không thuộc trường hợp xét khen thưởng quy định tại khoản này.

4. Bằng khen của Tổng Liên đoàn được xét tặng kịp thời cho tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ phải đảm nhiệm hoặc được giao; thành tích có tác dụng thiết thực, phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong hoạt động công đoàn, lao động, sản xuất, công tác, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động hoặc lĩnh vực khác có liên quan.

5. Bằng khen của Tổng Liên đoàn được xét tặng cho tập thể, cá nhân trong và ngoài hệ thống Công đoàn có nhiều đóng góp thiết thực, hiệu quả, tạo ra kết quả hoặc nguồn lực cụ thể cho việc xây dựng tổ chức Công đoàn; đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động; cải thiện việc làm, thu nhập, phúc lợi, điều kiện làm việc; đào tạo nghề, nâng cao trình độ, kỹ năng; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hoặc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ.

Đối với doanh nghiệp, người sử dụng lao động, việc xét tặng phải gắn với kết quả thực hiện pháp luật lao động, công đoàn, bảo hiểm xã hội, an toàn, vệ sinh lao động; phối hợp và tạo điều kiện cho công đoàn hoạt động; có chính sách chăm lo, bảo đảm quyền lợi cho người lao động.

Cá nhân giữ chức vụ Chủ tịch Công đoàn cơ sở từ 10 năm trở lên, liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong thời gian giữ chức vụ chưa được tặng Bằng khen của Tổng Liên đoàn, khi nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội hoặc thôi giữ chức vụ được xem xét, đề nghị tặng Bằng khen.

6. Tập thể công đoàn cấp tỉnh và tương đương, các đơn vị trực thuộc Tổng Liên đoàn được xét tặng Bằng khen nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống khi đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thời gian hoạt động từ 10 năm trở lên và việc xét tặng được thực hiện vào năm chẵn, năm tròn;

b) Có 05 năm liên tục trước thời điểm đề nghị được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có mô hình, công trình, sáng kiến, giải pháp tiêu biểu được cấp có thẩm quyền công nhận;

c) Có thành tích đóng góp nổi bật vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tổ chức Công đoàn; nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;

d) Không có tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý trực tiếp bị xử lý kỷ luật do vi phạm nghiêm trọng trong thời gian tính thành tích.

Việc tổ chức kỷ niệm không đương nhiên là căn cứ để xét khen thưởng; tập thể được đề nghị phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản này.

Điều 17. Bằng khen của liên đoàn lao động tỉnh, ngành trung ương và tương đương

1. Bằng khen công trạng xét tặng cho cá nhân là cán bộ, đoàn viên công đoàn, người lao động đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt nhiệm vụ của đoàn viên theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam;

b) Trong năm đề nghị khen thưởng và năm liền kề trước đó được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"; có thành tích tiêu biểu trong lao động, sản xuất, công tác và hoạt động công đoàn.

Đối với đoàn viên, người lao động trong các doanh nghiệp: điều kiện, tiêu chuẩn tương đương do Ban Thường vụ Liên đoàn lao động tỉnh, ngành quy định căn cứ kết quả hoàn thành nhiệm vụ, năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc và đóng góp cho hoạt động công đoàn.

2. Bằng khen công trạng xét tặng cho tập thể công đoàn và tập thể thuộc phạm vi quản lý đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công đoàn Việt Nam; nội bộ đoàn kết;

b) Hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao; thực hiện hiệu quả việc đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động và các phong trào thi đua; có thành tích, mô hình hoặc giải pháp tiêu biểu;

c) Trong năm đề nghị khen thưởng và năm liền kề trước đó được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc.

3. Bằng khen của liên đoàn lao động tỉnh, ngành trung ương và tương đương xét tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích thi đua theo chuyên đề, đột xuất và thành tích đóng góp thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua theo chuyên đề do đơn vị phát động, chỉ đạo hoặc tổ chức thực hiện;

b) Có thành tích xuất sắc trong thực hiện chuyên đề phục vụ nhiệm vụ chính trị;

c) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất;

d) Có nhiều đóng góp thiết thực, hiệu quả cho sự nghiệp xây dựng, phát triển tổ chức Công đoàn và chăm lo cho đoàn viên, người lao động.

Điều kiện, tiêu chuẩn và số lượng khen thưởng đối với từng trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này do Ban Thường vụ liên đoàn lao động tỉnh, ngành trung ương và tương đương quy định trong kế hoạch, văn bản phát động hoặc hướng dẫn khen thưởng, căn cứ tính chất, mức độ, phạm vi ảnh hưởng của thành tích.

Điều 18. Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn

1. Đối tượng và điều kiện chung

Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn xét tặng cho đoàn viên công đoàn là tác giả hoặc đồng tác giả sáng kiến đáp ứng các điều kiện sau:

a) Sáng kiến đã được cơ sở có thẩm quyền công nhận theo quy định của pháp luật về sáng kiến;

b) Sáng kiến đã được ứng dụng vào thực tiễn, mang lại hiệu quả thiết thực và được cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực tiếp ứng dụng xác nhận;

c) Đáp ứng một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2, khoản 3 hoặc khoản 4 Điều này.

Không sử dụng thành tích là tác giả đề tài, đề án, công trình nghiên cứu làm căn cứ xét tặng Bằng Lao động sáng tạo. Đối với đề tài nghiên cứu được nghiệm thu loại xuất sắc, đã được ứng dụng trong thực tiễn, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2, khoản 3 hoặc khoản 4 Điều này thì được xem xét, đề nghị Tổng Liên đoàn xét tặng Bằng Lao động sáng tạo. Thành tích đề nghị xét tặng Bằng Lao động sáng tạo chỉ được tính kể từ thời điểm đề tài được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng thực tiễn đến thời điểm đề nghị xét tặng; không tính kết quả đạt được trong quá trình nghiên cứu, thử nghiệm.

2. Tiêu chuẩn đối với sáng kiến xác định được giá trị làm lợi

Đoàn viên công đoàn là tác giả sáng kiến xác định được giá trị làm lợi được xét tặng Bằng Lao động sáng tạo khi đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đối với công nhân, người lao động có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở xuống: Có từ 01 sáng kiến trở lên được ứng dụng, với tổng giá trị làm lợi từ 150 triệu đồng trở lên/năm hoặc trong 03 năm liên tục, mỗi năm có ít nhất 01 sáng kiến được ứng dụng, với tổng giá trị làm lợi của các sáng kiến trong 03 năm từ 300 triệu đồng trở lên.

b) Đối với cán bộ, viên chức, công nhân, người lao động có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên: Có từ 01 sáng kiến trở lên được ứng dụng, với tổng giá trị làm lợi từ 300 triệu đồng trở lên/năm hoặc trong 03 năm liên tục, mỗi năm có ít nhất 01 sáng kiến được ứng dụng, với tổng giá trị làm lợi của các sáng kiến trong 03 năm từ 800 triệu đồng trở lên.

c) Đối với cán bộ, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo có hệ số phụ cấp từ 0,7 trở lên; cán bộ, đoàn viên trong doanh nghiệp giữ chức vụ phó giám đốc và tương đương trở lên: Có ít nhất 01 sáng kiến được ứng dụng, với tổng giá trị làm lợi từ 400 triệu đồng trở lên/năm hoặc trong 03 năm liên tục, mỗi năm có ít nhất 01 sáng kiến được ứng dụng, với tổng giá trị làm lợi của các sáng kiến trong 03 năm từ 1 tỷ đồng trở lên.

Trình độ chuyên môn và chức vụ của cá nhân để xác định đối tượng áp dụng theo các điểm a, b và c khoản này được xác định tại thời điểm đề nghị xét tặng Bằng Lao động sáng tạo.

3. Tiêu chuẩn đối với sáng kiến không xác định được giá trị làm lợi

Đoàn viên công đoàn là tác giả sáng kiến không xác định được cụ thể giá trị làm lợi được xem xét tặng Bằng Lao động sáng tạo khi sáng kiến đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Đã được ứng dụng vào thực tiễn, mang lại hiệu quả thiết thực về kinh tế, xã hội hoặc đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động;

b) Có phạm vi ảnh hưởng rộng ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bộ, ngành trung ương, tập đoàn kinh tế hoặc tổng công ty;

c) Được thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nơi trực tiếp ứng dụng sáng kiến xác nhận bằng văn bản về hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng;

d) Được cơ quan, đơn vị có chức năng quản lý khoa học và công nghệ của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bộ, ngành trung ương, tập đoàn kinh tế hoặc tổng công ty xác nhận.

4. Tiêu chuẩn đối với sáng kiến đạt Giải Nhất các hội thi

Tổng Liên đoàn xem xét tặng Bằng Lao động sáng tạo cho đoàn viên công đoàn là tác giả sáng kiến đạt Giải Nhất tại Hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp tỉnh, thành phố trở lên và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có quyết định hoặc văn bản xác nhận kết quả đạt Giải Nhất của cơ quan có thẩm quyền tổ chức hội thi;

b) Sáng kiến đã được áp dụng có hiệu quả;

c) Hiệu quả áp dụng sáng kiến được cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực tiếp ứng dụng xác nhận bằng văn bản.

5. Xác định giá trị làm lợi và căn cứ thẩm định

a) Điều kiện được công nhận sáng kiến và tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến được xác định theo quy định của pháp luật về sáng kiến.

b) Tổng giá trị làm lợi quy định tại Khoản 2 Điều này là tổng tiền làm lợi trực tiếp thu được từ việc áp dụng sáng kiến, sau khi trừ các chi phí phát sinh do áp dụng, thử nghiệm sáng kiến (giá trị làm lợi tính trong 1 năm).

c) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực tiếp ứng dụng sáng kiến chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Tổng Liên đoàn về tính chính xác của hiệu quả áp dụng, giá trị làm lợi và các số liệu xác nhận.

6. Trường hợp cá nhân đề nghị nhưng không được tặng "Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn" do chưa bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ theo quy định thì Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty xem xét, quyết định khen thưởng theo thẩm quyền.

Điều 19. Giải thưởng

1. "Giải thưởng Nguyễn Văn Linh" của Tổng Liên đoàn:

a) "Giải thưởng Nguyễn Văn Linh" là phần thưởng cao quý của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, được xét, trao tặng cho cán bộ công đoàn các cấp có thành tích đặc biệt xuất sắc, tiêu biểu trong hoạt động công đoàn; có nhiều sáng kiến, sáng tạo, giải pháp đổi mới mang lại hiệu quả thiết thực trong tham mưu, tổ chức hoạt động, xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh; đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động; đóng góp tích cực vào sự phát triển của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, địa phương, ngành và đất nước, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện đại, lớn mạnh.

b) "Giải thưởng Nguyễn Văn Linh" được tổ chức trao tặng 5 năm 02 lần vào dịp kỷ niệm Ngày thành lập Công đoàn Việt Nam (28/7) hoặc vào dịp khác do Thường trực Tổng Liên đoàn quyết định.

c) Mỗi cá nhân chỉ được trao tặng Giải thưởng 01 lần.

2. "Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh" của Tổng Liên đoàn

a) "Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh" là phần thưởng cao quý của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, được xét, trao tặng cho đoàn viên, người lao động có thành tích đặc biệt xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua "Lao động giỏi, năng suất cao, thu nhập tốt"; có nhiều sáng kiến, giải pháp đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số mang lại hiệu quả thiết thực trong công tác, lao động, sản xuất, góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, cải thiện điều kiện làm việc, tăng thu nhập và nâng cao đời sống người lao động; tích cực chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn, giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp; có thành tích tiêu biểu trong xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phát triển bền vững, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện đại, lớn mạnh và tổ chức Công đoàn Việt Nam vững mạnh.

b) "Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh" được tổ chức trao tặng 5 năm 02 lần vào dịp "Tháng Công nhân" hoặc vào dịp khác do Thường trực Tổng Liên đoàn quyết định.

c) Mỗi cá nhân chỉ được trao tặng Giải thưởng 01 lần.

3. "Giải thưởng Nữ đoàn viên Công đoàn năng động, sáng tạo, trách nhiệm"

a) "Giải thưởng Nữ đoàn viên Công đoàn năng động, sáng tạo, trách nhiệm" là phần thưởng cao quý của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xét tặng, tôn vinh nữ đoàn viên là cán bộ, viên chức, công nhân lao động năng động, sáng tạo, trách nhiệm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, là cá nhân tiêu biểu trong phong trào thi đua "Giỏi việc nước, đảm việc nhà" và có đóng góp tích cực cho tổ chức Công đoàn Việt Nam.

b) "Giải thưởng Nữ đoàn viên công đoàn năng động, sáng tạo, trách nhiệm" được tổ chức trao tặng 5 năm 01 lần vào dịp kỷ niệm Ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10) của năm diễn ra Đại hội Đảng các cấp hoặc vào dịp khác do Thường trực Tổng Liên đoàn quyết định.

c) Mỗi cá nhân chỉ được trao tặng Giải thưởng 01 lần.

4. "Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động"

a) "Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động" do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổ chức, nhằm vinh danh các doanh nghiệp đã nỗ lực cải thiện môi trường làm việc, chăm lo tốt đời sống của người lao động, xây dựng mối quan hệ hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp, quyền lợi của người lao động và lợi ích xã hội.

b) Giải thưởng được trao tặng 3 năm 01 lần. Việc xét chọn thông qua kết quả xếp hạng "Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động" hằng năm và đánh giá, chấm điểm của Hội đồng xét chọn; Thời điểm tổ chức cụ thể do Thường trực Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định.

5. Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn ban hành hướng dẫn riêng về việc xét, trao tặng các giải thưởng cho mỗi lần tổ chức.

Ngoài các Giải thưởng trên, căn cứ điều kiện thực tiễn trong từng giai đoạn, Tổng Liên đoàn sẽ quyết định tổ chức các hình thức biểu dương, tôn vinh khác.

Điều 20. Giấy khen

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt danh hiệu "Đoàn viên công đoàn xuất sắc";

b) Tích cực tham gia, hưởng ứng các phong trào thi đua, là điển hình xuất sắc tiêu biểu của công đoàn cấp xã, công đoàn khu công nghiệp và tương đương; công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở; phòng, ban, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc tổ chức Công đoàn.

2. Giấy khen để tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt các nhiệm vụ của công đoàn được quy định tại Điều lệ Công đoàn Việt Nam;

b) Là tập thể xuất sắc tiêu biểu của công đoàn cấp xã, công đoàn khu công nghiệp và tương đương; công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở; phòng, ban, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc tổ chức Công đoàn.

Chương IV
DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 21. Đối tượng áp dụng bình xét khen thưởng và đề nghị khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Nhà nước trong tổ chức công đoàn

Các ban, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc hệ thống công đoàn và cán bộ, đoàn viên, người lao động thuộc các đơn vị này; các liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; công đoàn ngành trung ương và tương đương; công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn và các cấp công đoàn trực thuộc; cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ tài chính công đoàn.

Điều 22. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc"

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Thường trực Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng trong hệ thống công đoàn toàn quốc của sáng kiến; xem xét, công nhận phạm vi ảnh hưởng trong hệ thống công đoàn toàn quốc của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 23. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua Tổng Liên đoàn"

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua Tổng Liên đoàn" để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Thường trực liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng của sáng kiến, phạm vi ảnh hưởng của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các cấp công đoàn tỉnh, ngành.

Điều 24. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Tỷ lệ xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" không quá 10% tổng số cá nhân đạt tiêu chuẩn danh hiệu "Lao động tiên tiến" (không bao gồm cá nhân được xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng).

3. Việc xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng của sáng kiến, phạm vi ảnh hưởng của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do hội đồng sáng kiến, hội đồng khoa học cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận.

4. Hội đồng sáng kiến, hội đồng khoa học cấp cơ sở do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" quyết định thành lập. Thành phần hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các thành viên khác (nếu cần thiết).

Điều 25. Danh hiệu "Lao động tiên tiến"

1. Danh hiệu "Lao động tiên tiến" xét tặng hằng năm cho cán bộ công đoàn, người lao động trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc tổ chức công đoàn đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Việc bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến" đối với một số trường hợp cụ thể thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 25/2026/TT-BNV ngày 01/10/2026 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Nghị định số 368/2026/NĐ-CP ngày 25/9/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 26. Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ "

1. Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ" xét tặng hằng năm cho liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; công đoàn ngành trung ương; công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty; các ban, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Tổng Liên đoàn đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Số lượng tập thể được đề nghị xét tặng danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ" hằng năm không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua dẫn đầu của Tổng Liên đoàn.

3. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xem xét trình danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ" cho các tập thể dẫn đầu phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động có thời gian thực hiện từ 05 năm trở lên khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua.

Điều 27. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", "Tập thể lao động tiên tiến"

1. Các tập thể được xét tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", "Tập thể lao động tiên tiến" gồm:

a) Các ban, đơn vị thuộc Tổng Liên đoàn;

b) Các ban và tương đương thuộc liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn;

c) Các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc tổ chức công đoàn; các phòng, ban và tương đương trực thuộc các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc tổ chức công đoàn.

2. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng.

3. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 28. Khen thưởng cấp nhà nước

Tổng Liên đoàn xem xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng Bằng khen; Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương, danh hiệu Anh hùng Lao động và các hình thức khen thưởng cấp nhà nước khác cho các tập thể, cá nhân được thực hiện theo quy định tại Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng hiện hành.

Chương V
CỤM, KHỐI THI ĐUA VÀ HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

Điều 29. Cụm, Khối thi đua của Tổng Liên đoàn.

1. Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn quyết định thành lập các cụm, khối thi đua thuộc và trực thuộc Tổng Liên đoàn;

2. Cụm, Khối thi đua có nhiệm vụ:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động, nội dung thi đua và tiêu chí chấm điểm; tổ chức phát động thi đua, ký kết giao ước thi đua giữa các đơn vị trong cụm, khối.

b) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện nội dung giao ước thi đua giữa các đơn vị trong cụm, khối; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

c) Tổ chức các hoạt động thúc đẩy phong trào thi đua, học tập, chia sẻ kinh nghiệm triển khai các phong trào thi đua.

d) Tổ chức kiểm tra chéo giữa các đơn vị thành viên trong cụm, khối để làm cơ sở đánh giá, chấm điểm và bình xét khen thưởng hằng năm.

3. Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn ban hành hướng dẫn riêng về hoạt động của cụm, khối thi đua thuộc và trực thuộc Tổng Liên đoàn. Ủy quyền cho Ban Thường vụ liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn quyết định thành lập cụm, khối thi đua thuộc liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn.

Điều 30. Cụm, khối thi đua của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn

1. Ban Thường vụ liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn quyết định thành lập cụm, khối thi đua trực thuộc theo ủy quyền của Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn.

2. Căn cứ quy định của Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn, Ban Thường vụ liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn ban hành hướng dẫn hoạt động cụm, khối thi đua phù hợp với điều kiện thực tiễn tại ngành, địa phương.

Điều 31. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tổng Liên đoàn

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tổng Liên đoàn là cơ quan tham mưu, đề xuất cho Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Cơ cấu Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là đồng chí Chủ tịch Tổng Liên đoàn;

b) Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng là đồng chí Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn phụ trách công tác thi đua, khen thưởng;

c) Phó Chủ tịch Hội đồng là đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực Tổng Liên đoàn;

d) Thành viên Hội đồng gồm: các đồng chí Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn, Trưởng các ban tham mưu giúp việc của Tổng Liên đoàn, Chánh Văn phòng Tổng Liên đoàn, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn và đồng chí Phó Chánh văn phòng phụ trách công tác thi đua khen thưởng làm uỷ viên, thư ký Hội đồng.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Tổng Liên đoàn có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Tham mưu, đề xuất Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn phát động các phong trào thi đua trong công nhân, viên chức, lao động và hoạt động công đoàn;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

c) Tham mưu Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng trong công nhân, viên chức, lao động và tổ chức Công đoàn;

d) Tham mưu Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn quyết định tặng thưởng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoạt động theo Quy chế do Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn ban hành.

Điều 32. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Tổng Liên đoàn

Ban Thường vụ liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Tổng Liên đoàn căn cứ quy định của Tổng Liên đoàn và điều kiện thực tiễn quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua -Khen thưởng của cấp mình.

Chương VI
THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG

Điều 33. Thẩm quyền của Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn

Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn ủy quyền cho Thường trực Tổng Liên đoàn quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng sau:

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua Tổng Liên đoàn"
2. Danh hiệu "Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn"
3. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", "Tập thể lao động tiên tiến"
4. Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn"
5. "Giải thưởng Nguyễn Văn Linh"
6. "Giải thưởng Nguyễn Đức Cảnh"
7. "Giải thưởng Nữ đoàn viên Công đoàn năng động, sáng tạo, trách nhiệm"
8. "Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động"
9. Bằng khen của Tổng Liên đoàn
10. Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn.

Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn ủy quyền cho ban thường vụ các liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn; Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp, Giám đốc doanh nghiệp trực thuộc Tổng Liên đoàn xét và ký quyết định công nhận danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc" cho các ban, đơn vị trực thuộc và báo cáo kết quả về Tổng Liên đoàn.

Điều 34. Thẩm quyền của Ban Thường vụ liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn

Ban Thường vụ liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn quyết định khen thưởng:

1. Danh hiệu "Cờ thi đua của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn";

2. Danh hiệu "Công đoàn cơ sở xuất sắc"; "Nghiệp đoàn cơ sở xuất sắc";

3. Bằng khen của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn.

4. Quyết định tặng thưởng danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến" cho các tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp. Quyết định tặng danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc" cho các ban, đơn vị trực thuộc theo ủy quyền của Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

5. Giải thưởng của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn (nếu có).

Điều 35. Thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Giám đốc các doanh nghiệp trực thuộc Tổng Liên đoàn

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, Giám đốc các doanh nghiệp trực thuộc Tổng Liên đoàn quyết định khen thưởng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến", "Tập thể Lao động tiên tiến" và Giấy khen; quyết định tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" cho các đơn vị trực thuộc theo ủy quyền của Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điều 36. Thẩm quyền của Ban Chấp hành công đoàn cấp xã; công đoàn khu công nghiệp; công đoàn đơn vị sự nghiệp trung ương, công đoàn đại học quốc gia, đại học vùng, đại học khác, Nghiệp đoàn Nghề cá Việt Nam; công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty, tổ chức tín dụng, tài chính trực thuộc công đoàn cấp trên cơ sở

Công đoàn cấp xã; công đoàn khu công nghiệp; công đoàn đơn vị sự nghiệp trung ương, công đoàn đại học quốc gia, đại học vùng, đại học khác, Nghiệp đoàn Nghề cá Việt Nam; công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty, tổ chức tín dụng, tài chính trực thuộc công đoàn cấp trên cơ sở quyết định khen thưởng danh hiệu "Công đoàn cơ sở xuất sắc", "Nghiệp đoàn cơ sở xuất sắc" và Giấy khen.

Điều 37. Thẩm quyền của ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở

Ban Chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở quyết định khen thưởng danh hiệu "Công đoàn bộ phận xuất sắc", "Tổ Công đoàn xuất sắc", "Đoàn viên Công đoàn xuất sắc" và Giấy khen.

Điều 38. Thẩm quyền quyết định khen thưởng khác

Những trường hợp khen thưởng ngoài quy định tại Quy chế này do Thường trực Tổng Liên đoàn quyết định theo ủy quyền của Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điều 39. Tuyến trình khen thưởng cấp nhà nước

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trình khen thưởng cấp nhà nước cho các ban, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc hệ thống công đoàn và cán bộ, đoàn viên, người lao động thuộc các đơn vị này; liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; công đoàn ngành trung ương; công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn và các cấp công đoàn trực thuộc; cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ tài chính công đoàn.

Tổng Liên đoàn không trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng Cờ thi đua đối với liên đoàn lao động tỉnh, thành phố dẫn đầu khối thi đua do Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố thành lập.

Chương VII
QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG, MỨC THƯỞNG

Điều 40. Nguồn hình thành Quỹ thi đua, khen thưởng gồm:

1. Từ nguồn tài chính Công đoàn theo quy định của Tổng Liên đoàn;

2. Từ nguồn tài trợ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân;

3. Các khoản hỗ trợ của cơ quan quản lý, chính quyền các cấp.

Điều 41. Tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Nguyên tắc tính tiền thưởng và mức thưởng.

a) Nguyên tắc tính tiền thưởng và mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng Nhà nước thực hiện theo các quy định tại Điều 53, 54, 55, 56, 57, 58 Nghị định số 368/2026/NĐ-CP ngày 25/9/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng;

b) Hệ số mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của tổ chức Công đoàn thực hiện theo phụ lục đính kèm.

2. Trách nhiệm chi tiền thưởng.

a) Công đoàn cấp nào ban hành quyết định khen thưởng thì cấp đó có trách nhiệm chi tiền thưởng kèm theo quyết định khen thưởng.

b) Tổng Liên đoàn chi tiền thưởng kèm theo các Quyết định khen thưởng của Nhà nước.

c) Tiền thưởng được Tổng Liên đoàn chuyển định kỳ hằng quý.

Khi có Quyết định và hiện vật khen thưởng của Tổng Liên đoàn, liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn trao thưởng hoặc chỉ đạo cấp trực thuộc tổ chức trao thưởng bảo đảm kịp thời. Trường hợp tại thời điểm trao thưởng chưa nhận được kinh phí do Tổng Liên đoàn chuyển, đơn vị tạm ứng kinh phí để chi tiền thưởng theo Quyết định và hoàn tạm ứng khi được Tổng Liên đoàn chuyển kinh phí.

d) Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố; công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn khi quyết định khen thưởng cho tập thể, cá nhân không thuộc quyền quản lý trực tiếp có trách nhiệm chi tiền thưởng kèm theo quyết định khen thưởng.

Điều 42. Thu hồi và huỷ bỏ các hình thức khen thưởng

1. Cá nhân, tập thể gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng sẽ bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc tập thể, cá nhân kê khai gian dối để được khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định gồm:

a) Tờ trình của cấp trình khen thưởng;

b) Báo cáo tóm tắt lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định khen thưởng.

CHƯƠNG VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 43. Quy định chuyển tiếp

1. Việc xét khen thưởng thành tích năm 2026 căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Quyết định số 999/QĐ-TLĐ ngày 29/5/2024 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Trường hợp hồ sơ được tiếp nhận mà việc áp dụng quy định tại Quy chế này có lợi cho tập thể, cá nhân thì áp dụng quy định tại Quy chế này.

2. Quyết định công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, sáng kiến, đề tài, giải pháp đã được cấp có thẩm quyền ban hành trước ngày Quy chế này có hiệu lực tiếp tục có giá trị thực hiện. Việc cấp hiện vật, giấy chứng nhận và chi tiền thưởng thực hiện theo quy định áp dụng tại thời điểm ban hành quyết định.

3. Thành tích, danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, sáng kiến, đề tài, công trình, giải pháp đã được cấp có thẩm quyền công nhận trước ngày Quy chế này có hiệu lực được tiếp tục bảo lưu, tính vào điều kiện, tiêu chuẩn xét thi đua, khen thưởng theo Quy chế này. Không yêu cầu tập thể, cá nhân phải tính lại thời gian tích lũy thành tích; một thành tích không được sử dụng để đề nghị khen thưởng nhiều lần, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Đối với tập thể, cá nhân chịu ảnh hưởng do sắp xếp tổ chức:

a) Tập thể chỉ thay đổi tên gọi, cấp quản lý hoặc cơ quan chủ quản mà cơ bản giữ nguyên chức năng, nhiệm vụ thì thành tích và thời gian hoạt động được tính liên tục;

b) Tập thể được thành lập do hợp nhất, sáp nhập được kế thừa thành tích gắn với chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và nhân sự được chuyển giao; trường hợp chia, tách thì chỉ kế thừa thành tích thuộc phần chức năng, nhiệm vụ được giao;

c) Cá nhân thay đổi vị trí, cơ quan hoặc đơn vị công tác được bảo lưu thành tích đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

d) Việc kế thừa, bảo lưu thành tích phải có tài liệu chứng minh và được tổ chức kế thừa hoặc công đoàn cấp trên trực tiếp xác nhận; một thành tích không được đồng thời sử dụng để xét khen thưởng cho nhiều tập thể.

5. Căn cứ Quy chế này, các cấp Công đoàn xây dựng Quy chế thi đua, khen thưởng của cấp mình đảm bảo các quy định và phù hợp với điều kiện thực tiễn tại ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị./.

Phụ lục

HỆ SỐ MỨC TIỀN THƯỞNG KÈM THEO DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

(Kèm theo Quyết định số 666/QĐ-TLĐ ngày 20 tháng 11 năm 2026 của Tổng Liên đoàn)

STT	Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng	Hệ số tiền thưởng
I.	**Danh hiệu thi đua**	
1.	Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn	8,0
2.	Cờ thi đua chuyên đề của Tổng Liên đoàn	4,0
3.	Cờ thi đua của LĐLĐ tỉnh, TP; CĐ ngành TW; CĐ tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc TLĐ;	4,0
4.	Cờ thi đua chuyên đề của LĐLĐ tỉnh, TP; CĐ ngành TW; CĐ tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc TLĐ	2,0
5.	Đoàn viên công đoàn xuất sắc	0,1
6.	Tổ công đoàn xuất sắc	0,2
7.	Công đoàn cơ sở xuất sắc	0,3
II.	**Hình thức khen thưởng**	
1.	+ Bằng khen công trạng của TLĐ: - Tập thể	3,0
	- Cá nhân	1,5
	+Bằng khen chuyên đề, đột xuất của TLĐ: - Tập thể	2
	- Cá nhân	1
2.	Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn	2
3.	Bằng khen của LĐLĐ tỉnh, TP; CĐ ngành TW; CĐ tập đoàn kinh tế, tổng công ty trực thuộc TLĐ	
	+ Bằng khen công trạng: - Tập thể	1,5
	- Cá nhân	0,75
	+ Bằng khen chuyên đề, đột xuất: - Tập thể	1
	- Cá nhân	0,5
4.	Giấy khen	
	- Tập thể	0,6
	- Cá nhân	0,3
5.	Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn"	0,6